

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ SHINKA PT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ SHINKA PT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHINKA PT CONSULTANT AND SERVICES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SHINKA PT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107631791

**3. Ngày thành lập:** 11/11/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu phố Phụng Bải, Phường Biên Giang, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0466881809

Fax:

Email: [shinkapt@gmail.com](mailto:shinkapt@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: - Tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động, bao gồm: Tư vấn nghề cho người lao động về lựa chọn nghề, trình độ đào tạo, nơi học phù hợp với khả năng và nguyện vọng;<br>Tư vấn việc làm cho người lao động lựa chọn công việc phù hợp với khả năng và nguyện vọng; kỹ năng thi tuyển; tạo việc làm, tìm việc làm trong và ngoài nước;<br>Tư vấn cho người sử dụng lao động tuyển dụng, quản lý lao động; quản trị và phát triển nguồn nhân lực, sử dụng lao động và phát triển việc làm.<br>- Giới thiệu việc làm cho người lao động;<br>- Thu thập, phân tích, dự báo và cung ứng thông tin thị trường lao động. | 7810(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4771        |
| 3.  | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 8510        |
| 4.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8520        |
| 5.  | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8532        |
| 6.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4772        |
| 7.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8560        |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4690        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh;                      | 4759                                                         |
| 10. | Hoạt động của trụ sở văn phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7010                                                         |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, túi, cặp, ví, hàng da và giả da; sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; nước hoa, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; dụng cụ y tế; đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; hàng gốm, sứ, thủy tinh; giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự; bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; | 4649                                                         |
| 12. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8541                                                         |
| 13. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động phiên dịch;                                                                                                                                                                                                                                     | 7490                                                         |
| 14. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;                                                                                                                                                                                                                                      | 5229                                                         |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                           | 8299                                                         |
| 16. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7020                                                         |
| 17. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8542                                                         |
| 18. | (Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                              | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG | Tổ 40, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 25.000     | 250.000.000           | 12,500    | 012835200                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 25.000     | 250.000.000           | 12,500    |                                                                                             |         |

Thời gian đăng từ ngày 11/11/2016 đến ngày 11/12/2016

|   |                   |                                                                    |                   |         |               |        |              |  |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 2 | LƯƠNG VĂN TRUNG   | Xóm Rẫy, Xã Đại Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 25.000  | 250.000.000   | 12,500 | 001082011929 |  |
|   |                   |                                                                    | Tổng số           | 25.000  | 250.000.000   | 12,500 |              |  |
| 3 | NGUYỄN THỊ PHƯƠNG | Xóm Đông, Xã Mỹ Lương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 150.000 | 1.500.000.000 | 75,000 | 001182001699 |  |
|   |                   |                                                                    | Tổng số           | 150.000 | 1.500.000.000 | 75,000 |              |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/12/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001182001699

Ngày cấp: 09/05/2014

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đông, Xã Mỹ Lương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Đông, Xã Mỹ Lương, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội